

BỘ TÀI CHÍNH CỤC QUẢN LÝ GIÁ



**QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP
KIỂM TRA GIÁ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ
THUỘC DANH MỤC ĐĂNG KÝ GIÁ, KÊ
KHAI GIÁ**

MỤC LỤC

A – QUY TRÌNH CHUNG

B – PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

A – QUY TRÌNH CHUNG

NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TÁC THANH KIỂM TRA

- Luật giá 2013
- Luật Thanh tra 2010
- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP
- Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 109/2013/NĐ-CP
- Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra.
- Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành.

NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TÁC THANH KIỂM TRA

- Nghị định số 82/2012/NĐ-CP ngày 09/10/2012 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Tài chính.
- Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ
- Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghị định số 177/2013/NĐ-CP; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 56/2014/TT-BTC
- Thông tư số 05/2014/TT-BTC ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của Đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra.
- Thông tư số 19/2013/TT-BTC ngày 20/02/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành tài chính.

QUY TRÌNH THỰC HIỆN

**BƯỚC I. CHUẨN BỊ VÀ RA QUYẾT ĐỊNH
KIỂM TRA**

BƯỚC II. TIẾN HÀNH KIỂM TRA

BƯỚC III. KẾT THÚC KIỂM TRA

BƯỚC I. CHUẨN BỊ VÀ RA QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA

- 1. Thu thập thông tin**
- 2. Lập kế hoạch kiểm tra**
- 3. Ra quyết định, phê duyệt kế hoạch kiểm tra**
- 4. Chuẩn bị triển khai kiểm tra**

BƯỚC I. CHUẨN BỊ VÀ RA QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA

1. Thu thập thông tin

1.1. Nguồn thông tin:

1.2. Yêu cầu về thông tin thu thập.

1.2.1. Thông tin chung về hàng hóa, dịch vụ chuẩn bị kiểm tra:

1.2.2. Tình hình cụ thể tại tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ

1.2.3. Đề xuất tiến hành kiểm tra



BƯỚC I. CHUẨN BỊ VÀ RA QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA

2. Lập kế hoạch kiểm tra:

2.1. Mục đích, yêu cầu cuộc kiểm tra

2.2. Nội dung kiểm tra

2.3. Thời kỳ kiểm tra, thời gian kiểm tra, đơn vị đến kiểm tra

2.4. Tổ chức thực hiện

2.5. Lực lượng kiểm tra

3. Ra quyết định, phê duyệt kế hoạch kiểm tra

4. Chuẩn bị triển khai kiểm tra

4.1. Thông báo kế hoạch triển khai kiểm tra cho cơ quan, đơn vị được kiểm tra:

4.2. Hợp đoàn, chuẩn bị triển khai kiểm tra

BƯỚC II. TIẾN HÀNH KIỂM TRA

1. Công bố quyết định kiểm tra
2. Thực hiện kiểm tra
3. Xử lý vi phạm hành chính

BƯỚC II. TIẾN HÀNH KIỂM TRA

1. Công bố quyết định kiểm tra

2. Thực hiện kiểm tra

2.1. Kiểm tra việc chấp hành chế độ về kê khai giá và niêm yết giá.

2.2. Kiểm tra yếu tố hình thành giá của hàng hoá, dịch vụ

2.3. Kiểm tra việc thực hiện bình ổn giá

3. Xử phạt vi phạm hành chính

BƯỚC III. KẾT THÚC KIỂM TRA

- 1. Báo cáo kết quả kiểm tra,**
- 2. Bàn giao, lưu trữ hồ sơ kiểm tra**
- 3. Họp rút kinh nghiệm Đoàn kiểm tra**

B - PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CÔNG TÁC KIỂM TRA GIÁ

- Phát hiện và xử lý những sai phạm của các đối tượng là tổ chức, cá nhân khi thực hiện Luật Giá trong các lĩnh vực: Bình ổn giá; Định giá; Đăng ký giá; Kê khai giá; Niêm yết giá; Hiệp thương giá; Yêu tố hình thành giá; Thẩm định giá.
- Kiểm tra sự hợp lý của những yếu tố chi phí trong phương án giá và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân có kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục do nhà nước quản lý giá.

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CÔNG TÁC KIỂM TRA GIÁ

- Kiểm tra định mức tiêu hao, chấp hành chế độ quản lý về tài chính, khấu hao, phí, thuế trong xây dựng phương án giá. Kiểm tra việc tuân thủ trong chấp hành bán đúng giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định ban hành.
- Đánh giá những tồn tại, bất cập trong cơ chế chính sách về quản lý giá như việc lập, thẩm định và phê duyệt phương án giá; đề xuất, kiến nghị về cơ chế với cơ quan nhà nước có thẩm quyền...

TIẾN HÀNH KIỂM TRA

1. Kiểm tra việc chấp hành chế độ về kê khai giá và niêm yết giá.

1.1. Kiểm tra việc thực hiện kê khai giá

* Đối tượng kiểm tra

Các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh hàng hóa dịch vụ phải kê khai giá. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ kê khai giá

*** Những sai phạm điển hình**

- Không thực hiện kê khai giá hoặc kê khai thiếu, không đầy đủ mặt hàng theo quy định.
- Thời điểm kê khai giá chậm so với quy định.
- Kê khai không đúng mẫu biểu do cơ quan có thẩm quyền quy định. Không kê khai phần chiết khấu, giảm giá hàng bán
- Không công khai mức giá đã kê khai;
- Kê khai giá không đúng giá bán thực tế đơn vị thực hiện;

*** Phương pháp kiểm tra và kỹ năng phát hiện sai phạm**

Tập hợp các công việc đơn vị đã thực hiện về kê khai giá; đối chiếu với những quy định của pháp luật về kê khai giá đơn vị phải thực hiện.

- Kiểm tra đối chiếu quy định để phát hiện sai phạm của các hồ sơ kê khai giá về các nội dung: Quy trình thực hiện kê khai; biểu mẫu so với văn bản hướng dẫn đã đúng quy định chưa?

- Xác định số lượng mặt hàng doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phải thực hiện kê khai giá (báo cáo kết quả kinh doanh, tài khoản theo dõi doanh thu, sổ chi tiết bán hàng), so với quy định về danh mục hàng hóa phải kê khai nhằm phát hiện cá nhân, tổ chức không thực hiện đúng và đầy đủ các mặt hàng theo quy định.

**** Phương pháp kiểm tra và kỹ năng phát hiện sai phạm***

- Xác định số lần thay đổi giá tại các thời điểm kê khai giá trong thời kỳ kiểm tra; thời hạn nộp báo cáo giải trình về cơ quan tiếp nhận kê khai giá; tỷ lệ biến động giá thời kỳ đầu và thời kỳ cuối của thời kỳ kiểm tra; tỷ lệ biến động của từng lần thay đổi so với kê khai giá.
- Kiểm tra các chính sách bán hàng để xem xét các đợt tăng, giảm giá, khuyến mại của tổ chức cá nhân, đối chiếu với hồ sơ kê khai giá để xem xét đã đủ về các lần (các đợt) tăng, giảm, khuyến mại; việc thực hiện về thời gian nộp hồ sơ kê khai giá gửi cho cơ quan chức năng theo thẩm quyền;

*** *Thực tế qua kiểm tra những năm qua***

- + Kê khai theo biểu mẫu cũ;
- + Chưa thực hiện kê khai đầy đủ các mặt hàng mà công ty thực bán.
- + Không thực hiện kê khai giá bán lẻ, giá bán buôn.
- + Không kê khai các chính sách chiết khấu, giảm giá.
- + Thời gian kê khai giá chậm hơn so với thời điểm điều chỉnh giá bán.

* **Mức xử phạt VPHC về kê khai giá**

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/05/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Điều 13 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không đủ các nội dung của văn bản kê khai giá sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá đã có văn bản nhắc nhở, yêu cầu nộp lại văn bản kê khai giá.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thông báo bằng văn bản về mức giá điều chỉnh tăng hoặc giảm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các trường hợp phải thực hiện thông báo giá theo quy định của pháp luật về giá;

b) Áp dụng mức giá kê khai, đăng ký không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về giá kể từ ngày thực hiện kê khai giá, đăng ký giá với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

* Mức xử phạt VPHC về kê khai giá

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Không kê khai giá đúng thời hạn theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- b) Không kê khai giảm giá phù hợp với biến động giảm giá của yếu tố hình thành giá theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Đối với hành vi không kê khai giá với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định:

- a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không kê khai giá từ 01 đến 10 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện kê khai giá;
- b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản này trong trường hợp vi phạm nhiều lần, tái phạm; hành vi không kê khai giá từ 11 đến 20 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện kê khai giá;
- c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản này trong trường hợp vi phạm nhiều lần, tái phạm; hành vi không kê khai giá từ 21 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện kê khai giá trở lên;
- d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không kê khai giá từ 21 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện kê khai giá trở lên trong trường hợp vi phạm nhiều lần, tái phạm.

*** Mức xử phạt VPHC về tăng giảm giá hàng hóa bất hợp lý**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu hàng hóa, dịch vụ bán tăng giá có tổng giá trị đến 50.000.000 đồng, đối với một trong những hành vi tăng giá sau:

a) Tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ cao hơn mức giá đã kê khai hoặc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Tăng giá theo giá ghi trong Biểu mẫu đăng ký hoặc văn bản kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu giải trình mức giá đăng ký hoặc kê khai hoặc có văn bản yêu cầu đình chỉ áp dụng mức giá mới và thực hiện đăng ký lại, kê khai lại mức giá.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này nếu hàng hóa, dịch vụ có tổng giá trị từ trên 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này nếu hàng hóa, dịch vụ có tổng giá trị từ trên 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này nếu hàng hóa, dịch vụ có tổng giá trị từ trên 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này nếu hàng hóa, dịch vụ có tổng giá trị trên 500.000.000 đồng.

*** Mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân**

1.2. Kiểm tra việc niêm yết, công khai thông tin về giá và bán theo giá niêm yết, công khai

* **Đối tượng kiểm tra:** Là các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh kinh doanh hàng hóa dịch vụ phải niêm yết giá

* **Những sai phạm điển hình**

- Không niêm yết giá bán hàng hóa, dịch vụ.
- Niêm yết giá bán không rõ ràng, dễ gây nhầm lẫn, không thuận tiện cho việc quan sát, nhận biết của khách hàng.
- Niêm yết giá không đúng địa điểm. Niêm yết giá không rõ ràng về các khoản mục trong giá bán (như đã có thuế chưa? các dịch vụ, chính sách khác trong giá bán...).
- Không công khai thông tin về giá bằng hình thức khác ngoài niêm yết giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; bình ổn giá, kê khai giá.
- Bán hàng hóa, dịch vụ không đúng theo giá niêm yết.

*** Phương pháp kiểm tra và kỹ năng phát hiện sai phạm**

- Kiểm tra quan sát bằng mắt thường để xem xét việc niêm yết đã đúng quy định về địa điểm? (tại nơi bán hàng, phòng kinh doanh, vị trí thuận tiện dễ thấy...), danh mục hàng hóa đã đầy đủ theo hồ sơ đã kê khai, bảng tin, biển hiệu, tem, nhãn, bao bì trên sản phẩm; trang thông tin, công bố...tại thời điểm kiểm tra.
- Thời điểm niêm yết có đúng quy định về thời hạn theo hồ sơ kê khai giá?
- Kiểm tra sổ bán hàng, hóa đơn bán hàng, các chứng từ có liên quan để xác định đơn vị có bán đúng giá niêm yết hay không khi có điều chỉnh giá

*** *Thực tế qua kiểm tra những năm qua***

- + Niêm yết không đầy đủ giá bán của hàng hoá, dịch vụ tại thời điểm tra;
- + Niêm yết giá nhưng không ghi chú các yếu tố không cấu thành trong giá dẫn đến gây nhầm lẫn cho khách hàng;
- + Bán hàng hoá, dịch vụ với giá cao hơn giá niêm yết hoặc giá kê khai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- + Thiếu 01 hình thức công khai (trên web, đăng báo..) đối với hàng hóa thuộc danh mục Nhà nước Định giá, Bình ổn giá, kê khai giá

*** Mức xử phạt VPHC về niêm yết, công khai giá**

Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP và Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ tại địa Điểm phải niêm yết giá theo quy định của pháp luật;

b) Niêm yết giá không rõ ràng gây nhầm lẫn cho khách hàng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần; tái phạm;

b) Niêm yết giá không đúng giá cụ thể hoặc không nằm trong khung giá hoặc cao hơn mức giá tối đa hoặc thấp hơn mức giá tối thiểu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá”

*** Mức xử phạt VPHC về niêm yết, công khai giá**

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi bán cao hơn giá niêm yết hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân định giá không thuộc Khoản 5 Điều này.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật ngoài hình thức niêm yết giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, kê khai giá.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi bán cao hơn giá niêm yết đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục bình ổn giá, hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện.

*** Mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân**

2. Kiểm tra yếu tố hình thành giá của hàng hoá, dịch vụ

** Những sai phạm điển hình:*

- Lập hồ sơ phương án giá tính không đúng các yếu tố chi phí theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan nhà nước hoặc đơn vị ban hành.
- Lập, trình phương án giá tính không đúng các khoản chi phí nguyên vật liệu đầu vào như: Vận chuyển, thuê kho, bãi; thưởng phạt hợp đồng mua bán hàng hóa...; Chi phí KHTSCĐ; Chi phí tài chính; Chi phí tiền lương.....
- Lập trình phương án giá tính không đúng các khoản chi phí thuế, phí, các khoản phải chi trả theo quy định nhà nước trong yếu tố hình thành giá.

*** Phương pháp kiểm tra và kỹ năng phát hiện sai phạm**

- Xác định rõ hình thức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa, dịch vụ từ khâu nhập khẩu, sản xuất, lưu thông đến tay người tiêu dùng.

- Xác định các yếu tố chi phí hợp lý thực tế (không bao gồm các khoản chi phí không được trừ khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo chế độ quy định) của hàng hóa, dịch vụ của đơn vị tại thời kỳ đầu và thời kỳ cuối của thời kỳ kiểm tra; trường hợp thời kỳ kiểm tra không trùng với kỳ kế toán (quý, năm) thì số liệu để tập hợp các chi phí của hàng hóa, dịch vụ theo hình thức kế toán quản trị.

- Đối chiếu báo cáo quyết toán tài chính, sổ sách nhập xuất vật tư với hồ sơ phương án để xem xét các yếu tố chi phí nguyên vật liệu có đúng với định mức đã ban hành.

- Đối chiếu báo cáo quyết toán tài chính, sổ sách kế toán với phương án giá để xem xét những khoản chi phí không đúng chính sách chế độ.

- Trường hợp hàng hoá, dịch vụ thuộc mặt hàng trong danh sách phải đăng ký giá thì tiến hành đối chiếu các khoản mục chi phí thực tế của hàng hoá, dịch vụ xác định khi kiểm tra với các khoản mục chi phí của hàng hoá, dịch vụ trong hồ sơ đăng ký giá của đơn vị. Nếu có sự sai, khác về các khoản mục chi phí giữa hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá của đơn vị với thực tế kiểm tra phải xác định rõ nguyên nhân.

2.1. Xác định biến động giá bán của hàng hoá, dịch vụ

Xác định mức giá bán tại thời điểm đầu, thời điểm cuối và các lần thay đổi giá trong thời kỳ kiểm tra (thực hiện như đã nêu tại Bước 2, Khoản 1, Điểm 1.1 Kiểm tra về kê khai giá).

2.2. Xác định các yếu tố chi phí của hàng hoá, dịch vụ

2.2.1. Đối với hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu

Các yếu tố chi phí đầu vào của hàng hoá, dịch vụ khâu nhập khẩu, gồm: Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu; chi phí thuế khâu nhập khẩu (thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt); các loại chi phí khác (phí, lệ phí, vận chuyển, thuê kho bãi, bốc xếp) và các chi phí khác có liên quan.

2.2.2. Đối với hàng hoá, dịch vụ sản xuất trong nước

- Các yếu tố chi phí của hàng hoá, dịch vụ khâu sản xuất, gồm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (trường hợp có nguyên vật liệu nhập khẩu thì kiểm tra, xác định giá vốn nguyên vật liệu nhập khẩu tương tự như đối với hàng hoá nhập khẩu); chi phí nhân công trực tiếp; chi phí khấu hao TSCĐ; chi phí năng lượng (Xăng, dầu, điện, than, mỡ, ga và các loại khác); chi phí sản xuất chung.
- Các yếu tố chi phí của hàng hoá, dịch vụ khâu kinh doanh, gồm: Chi phí quản lý doanh nghiệp; chi phí bán hàng (chiết khấu hoa hồng đại lý, chi phí luân chuyển hàng hoá, chi phí quảng cáo, tiếp thị, các loại chi phí khác); chi phí tài chính.

2.3. Xác định tỷ trọng của các yếu tố chi phí trong giá thành, giá bán sản phẩm

- Trên cơ sở kiểm tra các yếu tố chi phí (nêu tại Bước 2, Khoản 2, Điểm 2.2 của Quy trình), lập biểu xác định tỷ trọng (%) các yếu tố chi phí trong giá thành, giá bán của hàng hoá dịch vụ; mức độ biến động (số tuyệt đối và tỷ lệ %) của từng yếu tố chi phí từ đầu đến cuối kỳ kiểm tra.
- Phân tích các yếu tố chi phí đầu vào có biến động, ảnh hưởng đến giá thành, giá bán của hàng hoá dịch vụ; so sánh với biểu tình hình tăng giá (nêu tại Bước 2, Khoản 2, Điểm 2.1 của Quy trình) để đánh giá việc tăng, giảm giá bán hàng hoá, dịch vụ của đơn vị có phù hợp với tình hình biến động của các yếu tố chi phí đầu vào hay không?

2.4. Phân tích yếu tố chi phí đầu vào, có biến động, tác động đến giá thành, giá bán của hàng hoá, dịch vụ trong một số trường hợp cụ thể

- Trường hợp trong thời kỳ kiểm tra, một số yếu tố chi phí đầu vào có biến động lớn, như: Giá cả hàng hoá trên thị trường có biến động lớn Nhà nước phải thực hiện bình ổn giá đối với vật tư, nguyên liệu nhập cụ thể; Nhà nước điều chỉnh giá bán, như: xăng, dầu, điện, than...; Nhà nước điều chỉnh chính sách thuế hoặc thời kỳ kiểm tra không trùng với niên độ hạch toán kế toán. Khi đó, tiến hành lập biểu xác định sự điều chỉnh chế độ, chính sách của Nhà nước và biến động của các yếu tố chi phí đầu vào tác động làm tăng, giảm giá thành, giá bán của hàng hóa, dịch vụ (số tuyệt đối và tỷ lệ %).

- Trên cơ sở biến động giá của sản phẩm do doanh nghiệp quyết định và tác động của các yếu tố chi phí đầu vào; phân tích, đánh giá về mức độ hợp lý giữa biến động chi phí đầu vào với việc tăng, giảm giá bán của doanh nghiệp.

*** Mức xử phạt VPHC về tăng giảm giá hàng hóa bất hợp lý khi kiểm tra yếu tố hình thành giá**

Theo quy định tại Khoản 6 Điều 13 Nghị định số 109/NĐ-CP: Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng hành vi tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý khi kiểm tra yếu tố hình thành giá theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của Nhà nước

3.1. Kiểm tra việc chấp hành các quy định về đăng ký giá, kê khai giá trong thời kỳ Nhà nước thực hiện bình ổn giá.

- Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành các quy định về đăng ký giá, kê khai giá trong thời kỳ Nhà nước thực hiện bình ổn giá thực hiện như đã nêu tại Bước II, Khoản 1 của Quy trình.
- Xem xét phương án tính giá hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục Nhà nước thực hiện bình ổn giá do đơn vị lập; đối chiếu với hướng dẫn về Quy chế, phương pháp tính giá do cơ quan có thẩm quyền quy định; Trên cơ sở quy trình thực hiện đã nêu tại Bước II, Khoản 2

- Trường hợp đơn vị lập phương án tính giá hàng hoá, dịch vụ không đúng hướng dẫn về Phương pháp tính giá do cơ quan có thẩm quyền quy định thì xác định rõ nguyên nhân, mức độ sai phạm, báo cáo người có thẩm quyền xem xét, kiến nghị xử lý theo quy định.

3.2. Kiểm tra việc thực hiện công khai thông tin về giá:

- Tập hợp những quy định của pháp luật về công khai thông tin về giá mà đơn vị phải thực hiện.
- Kiểm tra các công việc đơn vị đã thực hiện theo quy định của pháp luật về công khai thông tin về giá; xác định đúng, sai.
- Trường hợp đơn vị không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định trong việc công khai thông tin về giá thì xác định rõ nguyên nhân, mức độ sai phạm, báo cáo người có thẩm quyền xem xét, kiến nghị xử lý theo quy định.

3.3. Kiểm tra việc thực hiện quy định về giá tối đa, tối thiểu, khung giá đối với hàng hoá, dịch vụ

- Tập hợp những quy định của pháp luật về giá tối đa, tối thiểu, khung giá đối với hàng hoá, dịch vụ mà đơn vị phải thực hiện.
- Kiểm tra, đối chiếu giá bán thực tế của hàng hóa, dịch vụ do đơn vị thực hiện so với giá bán đăng ký, giá tối đa, tối thiểu, khung giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.
- Trường hợp đơn vị không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định về giá tối đa, tối thiểu, khung giá thì xác định rõ nguyên nhân, mức độ sai phạm, báo cáo người có thẩm quyền xem xét, kiến nghị xử lý theo quy định.

3.4. Kiểm tra việc thực hiện quy định về kiểm soát các yếu tố hình thành giá

- Kiểm tra việc kiểm soát các yếu tố hình thành giá thực hiện như nêu tại Bước 2, Mục 2, Khoản 2.2 của Quy trình.
- Kiểm tra, đối chiếu việc thực hiện cung cấp tài liệu của đơn vị với yêu cầu cung cấp tài liệu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- Trường hợp đơn vị không báo cáo hoặc báo cáo không đúng quy định khi Nhà nước thực hiện các biện pháp bình ổn giá, phải xác định rõ nguyên nhân, mức độ sai phạm, báo cáo người có thẩm quyền xem xét, kiến nghị xử lý theo quy định.

3.5. Kiểm tra việc triển khai thực hiện các biện pháp tài chính, tiền tệ, các biện pháp tiết giảm chi phí, hạ giá thành.

- Tập hợp các biện pháp về tài chính, tiền tệ; về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm giá thành, các chính sách khác (nếu có) do các cơ quan nhà nước đã ban hành đơn vị phải thực hiện.
- Kiểm tra việc triển khai thực hiện của đơn vị với từng biện pháp do cơ quan nhà nước ban hành; kiểm tra, đối chiếu các quy định trong từng biện pháp cụ thể so với thực tế tổ chức, cá nhân thực hiện. Nếu phát hiện các đơn vị áp dụng không đúng hoặc không phù hợp thì xác định rõ nguyên nhân, mức độ sai phạm, báo cáo người có thẩm quyền xem xét, kiến nghị xử lý theo quy định.

*** Mức xử phạt VPHC về không chấp hành đúng giá do cơ quan có thẩm quyền quy định**

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP:

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ không đúng với mức giá do cơ quan, người có thẩm quyền quy định, trừ các hành vi quy định tại Khoản 2, 3 và Khoản 4 Điều này.
2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ không đúng với mức giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định.
3. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ không đúng với mức giá cụ thể hoặc không nằm trong khung giá hoặc cao hơn mức giá tối đa hoặc thấp hơn mức giá tối thiểu do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định.
4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ không đúng với mức giá cụ thể hoặc không nằm trong khung giá hoặc cao hơn mức giá tối đa hoặc thấp hơn mức giá tối thiểu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định.

*** Mức xử phạt VPHC về lập phương án giá**

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP:

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ không đúng với hướng dẫn về phương pháp định giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Xử phạt vi phạm hành chính

Trường hợp đơn vị có vi phạm về đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá và thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định của pháp luật; Đoàn kiểm tra tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, báo cáo người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Trình tự các bước tiến hành, thời hạn báo cáo và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá thực hiện theo quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính – Lưu ý thời gian từ khi lập biên bản vi phạm hành chính đến khi ra quyết định xử phạt tối đa không quá 7 ngày).

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN